ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG TRUYỆN "QUAN ÂM THỊ KÍNH"

LÊ THỊ HUỆ(*)

Có thể nói rằng: suốt hai mươi thế kỉ từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã hòa nhập, cùng dân tộc ta xây dựng một nền văn hóa quốc gia độc lập. Trong quá trình hội nhập văn hóa, sự ảnh hưởng của Phật giáo đã tác động và tạo cho Phật giáo Việt Nam những nét đặc thù. Những dấu ấn văn hóa và tư tưởng Phật giáo không chỉ thể hiện trong các tác phẩm do các tu sĩ và các học giả Phật học biên soạn, tạo thành một nền văn học phong phú mà còn thể hiện trong các sinh hoạt hằng ngày, trong các công trình kiến trúc, trong các điêu khắc trang trí. Phật giáo thâm nhập vào quần chúng nhân dân qua những truyện thần kì, ca dao, tục ngữ, ca trù dân gian,v.v...

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ tìm hiểu sự ảnh hưởng của Phật giáo trong truyện "Quan Âm Thị Kính" dưới góc độ triết học. Tuy là một tác phẩm văn học dân gian, nhưng qua đó thấy được tầm ảnh hưởng, vị trí và vai trò của Phật giáo trong nền văn hóa nói riêng và trong lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung. Không những thế, chúng ta còn thấy được sự giao thoa giữa tư tưởng Phật giáo và tình cảm, cách ứng xử của người dân Việt qua việc đề cao sự công bằng, bác ái và đạo đức sống thiện.

1. Nội dung cơ bản của triết học Phật giáo

Phật giáo với tư cách là trào lưu triết học - tôn giáo xuất hiện vào khoảng thế kỉ VI trước công nguyên (TCN) và nhanh chóng được truyền bá một cách rộng rãi không chỉ ở Ấn Độ mà còn ở nhiều nước khác, trong đó có Việt Nam. Tư tưởng Phật giáo thể hiện qua những nội dung cơ bản sau:

1.1. Thế giới quan Phật giáo

Thế giới quan Phật giáo được tập trung ở các phạm trù: "vô ngã", "vô thường", "vô tạo giả" và "luật nhân quả".

- *Vô ngã* là không có cái tôi, không có cái ta; vạn vật nằm trong vòng biến đổi liên tục, không thể chỉ sự vật đó tồn tại ở đâu và tồn tại như thế nào? Mọi tri thức của con người về sự vật, hiện tượng cũng chỉ là ảo và giả, không phản ánh đúng đắn và chính xác về nó như nó đang tồn tại trong thực tế.

- *Vô thường* là không có gì tồn tại mãi mãi; bản chất sự tồn tại của thế giới là một dòng biến chuyển liên tục theo một chu kì bất tận: thành - trụ - hoại - không (đối với vũ trụ) hay sinh - trụ - dị – diệt

*. Khoa Triết học, Học viện Chính Trị - Hành chính khu vực IV.

(đối với thế giới sinh vật). Ngay như sinh mạng con người cũng nằm trong quá trình vận động, biến đổi không ngừng: sinh - lão - bệnh - tử.

- *Vô tạo giả* là không có đấng sáng tạo, vạn vật trong sự vận động, biến đổi không ngừng. Như vậy, với quan niệm này Phật giáo đã bác bỏ tư tưởng đấng sáng tạo của kinh Upanisad.

- *Luật nhân quả* là có nguyên nhân ắt có kết quả, nhưng kết quả lại phụ thuộc vào "duyên khởi". "Duyên" là điều kiện để hình thành quả; tức là có nhân, có điều kiện mới hình thành quả.

1.2. Nhân sinh quan Phật giáo

Cũng như nhiều trường phái triết học - tôn giáo khác của Ấn Độ cổ đại, Phật giáo đặt vấn đề tìm kiếm mục đích nhân sinh ở sự *giải thoát* (Moksa) khỏi vòng *luân hồi*, *nghiệp báo* để đạt tới trạng thái Niết Bàn (Nirvana). Với mục đích đó, Phật giáo đưa ra *Tứ Diệu đế* (Catvariaryatyni), tức là bốn chân lí tuyệt diệu, thiêng liêng mà mọi người phải nhận thức được và từ đó mà thực hành tu tập, diệt trừ tham dục để đạt đến sự giải thoát, gồm có: *Khổ đế* (Duhkha - satya), *Nhân đế* (samudaya - satya), *Diệt đế* (Nirodha - satya), *Đạo đế* (Marga - satya).

Phật giáo là một trường phái triết học - tôn giáo. Vì thế, bên cạnh những yếu tố duy vật, biện chứng thì nó cũng có những hạn chế về thế giới quan và nhân sinh quan. Tuy nhiên, Phật giáo cũng là một trong những trường phái triết học – tôn giáo đã nêu lên được khát vọng giải thoát con người khỏi những bi kịch của cuộc đời; nêu cao tính thiện như một tiêu chuẩn đạo đức cơ bản của đời sống xã hội. Vì thế, Phật giáo đã trở thành một trong ba tôn giáo lớn của thế giới, ảnh hưởng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống tinh thần nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Trong các lĩnh vực đời sống của người Việt, văn học dân gian là với tư cách là tấm gương soi của dân tộc và từ trong kho tàng văn học dân gian nói chung, qua tác phẩm *Quan Âm Thị Kính* nói riêng, chứa đựng khá phong phú tư tưởng của triết học Phật giáo.

2. Tư tưởng Phật giáo trong truyện Quan Âm Thị Kính

Một số người cho rằng: nói đến triết học Việt Nam là nói đến một nền triết học chắp ghép, manh mún, không có một tác phẩm triết học nào có giá trị. Có thể nói "chưa có" triết thuyết, trường phái triết học nào mang tầm cỡ quốc tế, nhưng không có nghĩa là "không có" tác phẩm triết học nào có giá trị. Ngay dưới hình thức các tác phẩm văn học dân gian như *Quan Âm Thị Kính* cũng chứa đựng những tư tưởng triết học Phật giáo. Đây là một câu truyện được lưu truyền phổ biến trong dân gian Việt Nam từ xưa qua nghệ thuật hát chèo, truyện thơ và gần đây nhất là truyện văn xuôi. Nếu thời gian là thước đo của chân lí thì với bề dày lịch sử đó, truyện cũng đã khẳng định chân giá trị của nó trong tư tưởng của người dân Việt.

Truyện *Quan Âm Thị Kính* không rõ xuất hiện từ năm nào và do ai sáng tác ra. Dưới hình thức thơ "lục bát", truyện diễn ca gồm có 788 câu. Có thể tóm tắt cốt truyện như sau: Có một người nam tu hành qua chín kiếp, gần thành Phật. Nhưng chỉ vì một thoáng tà tâm nên bị đầu thai xuống trần thế làm con gái nhà họ Mãng, tên là Thị Kính. Lớn lên cha mẹ

gả nàng cho Thiện Sĩ, con nhà họ Sùng. Nhưng bị nghi oan là cố ý giết chồng, gia đình chồng trả nàng về cho cha mẹ đẻ. Nàng cải trang thành người nam, tìm đến chùa Vân xin đi tu, được sư trụ trì đặt tên là tiểu Kính Tâm. Trong làng có ả Thị Mầu lẳng lơ, mang thai, đổ tội cho tiểu là cha đứa trẻ. Tiểu không nhận tội, bị làng tra khảo và mọi người chê bai. Sư chùa Vân phải đứng ra bảo lãnh Tiểu về. Thị Mầu sinh con đem đến bỏ trước cổng chùa cho Tiểu; Tiểu nhẫn nhục nuôi trẻ. Khi Tiểu qua đời mọi người mới biết Tiểu là người nữ. Gia đình Thị Mầu phải lo việc tang ma, Thị Mầu xấu hổ tự tử chết. Trong đám tang Kính Tâm có sự hiện diện của cha mẹ Kính Tâm cùng chàng Thiện Sĩ và đứa trẻ của Thị Mầu. Kính Tâm siêu thăng thành Phật Quan Âm. Cha mẹ và đứa trẻ cũng được siêu thăng. Riêng Thiện Sĩ thời làm con vẹt đứng nhờ một bên.

Vậy tư tưởng triết học Phật giáo được biểu hiện trong tác phẩm "Quan Âm Thị Kính" ở những khía cạnh nào? Truyện có đóng góp gì trong nền triết học nhân sinh Việt Nam nói riêng và văn hóa dân tộc nói chung?... Để làm rõ những vấn đề trên, chúng ta đi vào tìm hiểu sự biểu hiện tư tưởng Phật giáo trong tác phẩm "Quan Âm Thị Kính" trên các khía cạnh sau:

2.1. Biểu hiện của phạm trù "vô thường" trong truyện Quan Âm Thị Kính

Trong kinh Phật có chép rằng: "thế gian vô thường, đất nước nơm nớp, thân tử đại là khổ, là không, có chỗ nào là ta sở hữu; cho hay thế giới, đất nước thân thể là vô thường, huống chi là cảnh ngộ của con người"[1]. Với truyện nôm *Quan Âm Thị Kính*, chúng ta thấy rõ sự biểu hiện của tư tưởng nói trên. Thị Kính là nhân vật chính của tác phẩm, được lí giải là viết về một kiếp tu hành của Bồ Tát đã "*cõi trần mượn cửa thác vào*", chịu thử thách lần thứ mười trước khi thành Phật. Nàng sinh ra trong một gia đình "*gia tư thời cũng bậc trung*", nhưng lại sống trong tình thương yêu đùm bọc của những người thân. Và khi lớn lên đến tuổi dựng vợ gả chồng, phải xa lìa vòng tay của tình phụ mẫu khi cha mẹ gả cho Thiện Sĩ.

Như Thiều Chửu đã nhận xét: "Cái duyên của bà Thị Kính thật là tốt duyên rất mực, cái hạnh phúc gia đình Thị Kính thật là êm dịu vô cùng. Ai nghe mà thấy không khen ngợi, không thèm thuồng, không nhảy nhót reo hò mà đổ xô nhau vào trong mộng tưởng ấy"[2]. Nhưng hạnh phúc đôi vợ chồng son trẻ đã bị một sự việc ngẫu nhiên làm cho tan vỡ. Điều đó cho thấy, hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình của Thị Kính chỉ là thoáng qua. Bởi lẽ, "bãi bể nương dâu, nay còn mai mất; trăm năm thân thế như bóng mây qua cửa, có cái gì lâu dài, là bền vững. Sinh tử như bánh xe xoay tít, sướng khổ, khổ sướng cùng làm nhân quả cho nhau"[3]. Thị Kính chỉ vì yêu chồng, định xén cái "*râu mọc ngược*" ở cằm chồng mà mang oan tội giết chồng.

Có thể nói, trong hệ thống truyện Nôm, chúng ta bắt gặp nhiều người phụ nữ gặp tai biến đã trở thành bậc chân tu, nương nhờ cửa Phật để lánh nạn (Thúy Kiều trong truyện Kiều, Kiều Liên trong Phan Trần,v.v...). Họ đến với chùa để được

1. Thiều Chửu. *Giải thích truyện Quan Âm Thị Kính*, Nxb. Văn hóa thông tin, tháng 8/2002, tr. 27.
2. Sđd, tr. 27.
3. Sđd, tr. 31.

bảo vệ che chở, rồi trở lại hạnh phúc thực sự cùng người yêu, gia đình, cùng cuộc sống thường ngày. Còn Thị Kính, người chịu nỗi oan khiên, đã cải dạng nam nhi tìm đến cửa Phật không phải chỉ để lánh nạn mà còn để tu hành theo đạo Phật. Nhưng nỗi oan khiên thử thách lại đến: bị vu oan thông dâm với Thị Mầu. Từ đây, cuộc đời Thị Kính phải trải qua những nỗi đau đớn khinh bỉ của người đời, phải vất vả nuôi dạy đứa bé không phải con mình.

Như vậy, cái *vô thường* của Thị Kính biểu hiện trên hai phương diện: nó vừa chi phối những ước mơ nhỏ nhặt, bình dị của người phụ nữ; trên bình diện khác, nó là siêu lực dẫn dắt toàn bộ số phận bi đát, oan khiên của nàng. Sống trong đau khổ, Thị Kính có lần định tự kết liễu cuộc đời mình, nhưng lại nghĩ đến nghĩa vụ của một người con, công sinh dưỡng của cha mẹ, nên đã thắng được ý muốn thoát li tiêu cực và ích kỉ. Và cứ thế, trong vòng biến đổi "vô thường" đó, hạnh phúc có được chỉ là thoáng qua, gian khổ lại cứ đến tiếp không ngừng, không dứt. Biết bao nỗi cay đắng chồng chất lên vai một người phụ nữ, một kiếp tu hành, phải đến khi kiệt sức chết đi, mọi oan khổ của Thị Kính mới được cởi bỏ, linh hồn mới được "*hạnh phúc siêu thoát*".

2.2. Biểu hiện của phạm trù "nghiệp báo" và "luân hồi" trong truyện Quan Âm Thị Kính

Triết học Phật giáo cho rằng: mọi sự vật mất đi ở chỗ này nhưng lại sinh ra ở chỗ khác, chết nơi này nhưng lại sinh ra ở nơi khác. Nghĩa là kiếp sau như thế nào, sau khi tái sinh sẽ làm gì trong sáu cõi tùy thuộc vào hành động của mỗi người ở hiện tại. Với sự ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo trong truyện, cũng không ngạc nhiên khi các nhân vật trong truyện kết thúc cuộc đời đều ứng với một cõi tùy thuộc vào "nghiệp" ở thế giới trần tục.

Thị Kính:

"*Truyền cho nàng tiểu Kính Tâm*

Phi thăng làm Phật Quan Âm tức thì" [câu 775-776]

Đứa bé:

"*Lại thương đến đứa tiểu đồng*

Lên tay cho đứng liền khi tức thì" [câu 777-778]

Thiện Sĩ:

"*Kìa như Thiện Sĩ lời đời*

Cho làm chim vẹt đứng nhờ một bên" [câu 779-780]

Thị Mầu:

"*Còn người còn cái thẹn này*

Phải liều như thể vợ thầy trang sinh

Trầm luân kiếp ấy đã đành

Rồi ra còn có chút tình xót xa" [câu 707-710]

Vậy các nhân vật trong truyện đã tạo "nghiệp" như thế nào mà có "báo ứng", nhận "quả" như vậy? Trước hết, chúng ta tìm hiểu về cuộc đời Thị Kính. Thị Kính đã có một lần phạm giới mới tái làm kiếp thứ mười và chịu đau khổ. Và trong kiếp thứ mười này, Thị Kính bị oan hai lần. Lần thứ nhất là chịu "nỗi oan giết chồng", gây nên buồn phiền cho cha mẹ, tủi phận cho chính mình, mới nghĩ chán trò đời đen bạc mà đi tu nương nhờ cửa Phật, nhờ câu kinh tiếng kệ để quên dần những dằn vặt, đau đớn. Điều đó cho

thấy, triết lí nhà Phật đã trở thành cơ sở cho niềm tin và cách xử thế của Thị Kính trước mọi biến cố cuộc đời. Để cho lần phải chịu nỗi oan tiếp theo là "nỗi oan thông dâm", chịu nhục để cho làng đánh đập chứ nhất định không chịu nói là phận gái. Đến khi phải sống âm thầm lặng lẽ ở dưới mái tam quan trong sự khinh bỉ của mọi người, Thị Kính vẫn không thù hận Thị Mầu và vẫn tin tưởng ở chí tu hành của mình.

Khi Thị Mầu mang đứa con hoang "trả" cho Thị Kính cũng đành đeo thêm tiếng xấu mà nhận lấy đứa bé vô tội. Thị Kính ân cần chăm sóc đứa trẻ lớn lên được ba năm thì cũng là lúc tắt hơi thở cuối cùng. Như vậy, trong quá trình tu hành ở kiếp thứ mười này, Thị Kính đã làm trọn đạo để tạo "nghiệp". Hơn nữa, Thị Kính đã tạo được "nghiệp" tốt là nuôi đứa bé bằng lòng từ bi, sự nhẫn nhục, bằng tâm của người tu hành. Theo triết lí nhà Phật: "trong sự báo ứng của nghiệp do tác ý tạo nên, tâm là yếu tố quan trọng, là yếu tố khởi đầu và trung tâm của nghiệp. Bởi tất cả những hành động, lời nói và tư tưởng đều khởi phát từ tâm, đều do tâm vọng động hay thanh tịnh tạo nên"[4]. Bởi vậy, kết quả là Thị Kính được siêu thoát và trở thành Phật Quan Âm. Như vậy, đã tạo ra "nghiệp", đã gieo "nhân" thì ắt gặt "quả". Theo cách đó, không chỉ Thị Kính nhận được "quả" lành, "giống" tốt mà cả đứa trẻ cùng gia đình Mãng ông đều được siêu thăng.

"Siêu thăng thoát cả một nhà

Từ đây phúc đẳng hà sa vô cùng"

[câu 786-787]

Đó là những con người tốt, những con người theo quy định của pháp giới và đạo đức Phật giáo nên được lên "***miền cực lạc hội đồng***"; còn những kẻ bạc ác thì nhận lấy hình phạt về mình. Sau khi Thị Kính chết, Phú ông phải bù gấp đôi số tiền nhà chùa đã phải nộp trước kia và phải lo ma chay cho Thị Kính. Lối giải quyết vấn đề trong truyện như vậy hợp với lòng người và tôn chỉ của đạo Phật. Còn Thiện Sĩ biến thành con vẹt tức cõi "súc sinh" trong sáu cõi do nhu nhược và ngu dốt. Thiện Sĩ là một kẻ "dài lưng tốn vải" nhưng lại không có một chút bản lĩnh nào. Vừa thấy vợ cầm dao đưa lại gần thì Thiện Sĩ đã thất thần la lối lên là vợ mưu toan hại mình. Cho dù khi Thị Kính bị đuổi về nhà bố mẹ đẻ, Thiện Sĩ có hối hận xót xa nhưng tuyệt nhiên không giữ vợ ở lại bên mình. Xét dưới góc độ nào đó, chúng ta thấy rằng Thị Kính là nạn nhân của một người chồng thư sinh hèn nhát, thiếu bản lĩnh. Nhưng khi được tin Thị Kính chết và biết nàng sống một đời oan khổ, Thiện Sĩ cũng đã: "hạt châu lai láng, tâm bào như nung" và đã nhận ra lỗi của mình: "vì anh lỗi đạo nên nàng ngậm oan". Thực tình thì Thiện Sĩ không phải là hạng người độc ác nhưng lại là một người ươn hèn; vì sự "vô minh" của mình mà dẫn đến cuộc đời của Thị Kính đầy oan khổ. Cho nên, "quả" mà Thiện Sĩ nhận được đó là "cho làm con vẹt đứng nhờ một bên". Qua đó, chúng ta thấy, sự giao thoa giữa triết lí Phật giáo và cách ứng xử của người dân Việt: kết quả nhận được như thế nào tùy thuộc vào những hành động của bản thân mỗi người, "gieo nhân nào, gặt quả ấy".

Điều đó cũng đã được thể hiện rõ qua nhân vật Thị Mầu. Là con gái một gia

4. Trịnh Doãn Chính. *Triết lí Phương Đông - Giá trị và Bài học Lịch sử*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, tr. 174.

đình giàu có, "một tiểu thư ở chốn hồng lâu". Nhưng vốn tính lẳng lơ, Thị Mầu lên chùa ban đầu thắp nhang cầu Phật, nhưng sau gặp Kính Tâm thì cô mê hoặc với lòng khao khát gắn bó, Thị đã khấn:

"Khấn sao Đức Phật độ trì

Xui ra hoạ có phước gì được thân

Ví không phải kiếp châu trần

Thì xin một trận phong vân cũng nhờ" [câu 397-400]

Đó là lời cầu xin, là niềm hi vọng vào khả năng mầu nhiệm Đức Phật giúp nàng thực hiện ước mơ tình ái. Thị Mầu đã trông đợi vào "lòng từ bi quảng đại", vào khả năng "cứu vớt" của Đức Quan Âm mà không cần giác ngộ về phương châm "tu tâm diệt dục" của đạo Phật. Thị Mầu đi chùa với một mục đích rất rõ ràng: *tìm cách gần gũi để chinh phục chú tiểu, tìm mọi cách rủ rê, tán tỉnh Kính Tâm nhưng không thành*. Do đó, khi thông dâm với tên đầy tớ trong nhà, Thị Mầu đã gieo hết vạ này đến vạ khác cho Kính Tâm. Thị Mầu cho rằng: chính Thị Kính là cha của đứa trẻ, để rồi làng tra khảo thừa sống thiếu chết đối với Thị Kính. Không những thế, sau khi sinh con Thị Mầu đã đem đứa trẻ đến bỏ ở cổng chùa để cho Thị Kính nuôi, dù biết rằng đứa trẻ đó là do mình đẻ ra, là sản phẩm do tính lăng loàn của Thị. Vì Thị Mầu đã gây nên "nghiệp" xấu như vậy, nên "quả" Thị Mầu nhận là bị đày xuống địa ngục, đấy là cõi ghê sợ nhất trong sáu cõi. Như vậy, mỗi cõi mà các nhân vật trong truyện nhận được là tương xứng với những gì mà họ gây nên, họ tạo dựng nên. Đấy là một cách lí giải mà đạo Phật khuyên con người hãy tự nhận thức lấy hành động của mình, tất cả đều tùy thuộc vào mình.

Bên cạnh đó, tư tưởng "luân hồi" của Phật giáo cũng biểu hiện rất rõ trong truyện qua số phận của các nhân vật. Thị Kính nguyên trước kia là Đức Quan Âm, là một đấng nam nhi, tu hành gần đắc đạo thành Phật. Nhưng khi Đức Mâu Ni hiện thành một người con gái xinh đẹp để thử lòng thì ngài xin hẹn đến kiếp sau sẽ vầy duyên. Như vậy, muốn thành Phật không phải là chuyện dễ, như ngài Đức Quan Âm đã tu đến chín kiếp, đã sắp đến lúc chứng quả, thế mà chỉ vì một niệm sai lầm mà phải chịu "luân hồi", chuyển xuống kiếp thứ mười và đậu thai làm con gái nhà họ Mãng ở quận Lũng Tài, nước Cao Lị, rồi bắt suốt đời phải chịu oan khổ để thử lòng. Theo quan niệm Phật giáo, cuộc đời hiện hữu của mỗi con người vận động, biến đổi trong vòng luân hồi bất tận theo luật "nhân quả" và do "nghiệp" chi phối. Cũng vì vậy mà cuộc đời các nhân vật trong truyện *Quan Âm Thị Kính* vì đã tạo được "nghiệp" khác nhau nên đã vận động và biến đổi không ngừng trong vòng "luân hồi" khác nhau.

Qua đó chúng ta thấy, truyện không chỉ thể hiện ước mơ công bình, nhân ái, hạnh phúc của con người Việt Nam trong xã hội ngày xưa; mà nó còn thể hiện mục đích đề cao những giá trị nhà Phật qua lăng kính của người dân Việt.

2.3. Biểu hiện của tư tưởng "giải thoát" trong truyện Quan Âm Thị Kính

Khác với các tôn giáo khi lí giải về cuộc đời con người, Phật giáo quan niệm: "đời là bể khổ". Để thoát khỏi "bể khổ", Phật giáo nêu lên bốn chân lí tuyệt diệu,

mà mọi người phải thực hiện: "Tứ Diệu đế". Theo triết lí nhà Phật, tất cả loài vật, dù hữu tình hay vô tình trong thế giới, đều trong khổ não. Khổ luôn luôn xuất hiện do con người không đủ khả năng nhận thức rằng, tất cả mọi sự vật đều không ngừng biến đổi nhưng con người do "vô minh" lại cứ đeo bám vào những hiện tượng lại chắc thật mà thực ra chúng đều là ảo và giả.

Chiếu rọi tư tưởng đó vào trong truyện ***Quan Âm Thị Kính***, chúng ta thấy tất cả các tình tiết trong truyện đều xoay quanh cái "oan Thị Kính". "Oan Thị Kính" là then chốt của truyện. Tác giả nhận thức cái khổ của nhà Phật theo cái nghĩa như một siêu lực đưa đến cho Thị Kính trên con đường của một kiếp tu hành.

Cái khổ đầu tiên của Thị Kính là cái khổ phải xa những người mình thương yêu mà Phật giáo gọi là "ái biệt li khổ", chỉ vì:

"Thấy râu chút có chẳng điều

Tiện dao cắt để một điều như nhau"
[câu 149-150]

"Cứ tình thương của thế gian thì không có gì sướng bằng sự nhân duyên hoà hợp, mà cũng không có gì khổ bằng nhân duyên trắc trở"[5]. Như vậy, còn gì đau khổ hơn tình duyên trắc trở để bên thì tiếc phận tủi duyên, bên thì hối hận sự lỡ, như vẽ rõ hai trái tim con người trần tục. Đối với đời, cái cảnh ấy ai chả cho là đau thương đến bậc nhất"[6].

Vậy nguyên nhân nỗi khổ mà Thị Kính phải chịu đựng là do đâu? Dưới góc độ văn học và thực tại xã hội thì Thị Kính bị oan là vì có thể nàng sống trong một xã hội mà ở đó vai trò người phụ nữ chưa được khẳng định. "Nhưng đối với Phật pháp, ai đã liễu ngộ với cái nghịch duyên thuận duyên, thì nghịch với trần ai, tức là thuận với chính pháp; có nếm cái mùi đời cay đắng điên đảo như thế, mới biết hồi đầu lại mà ngược dòng sinh tử, quay về dòng thánh được. Đó là một cái duyên thứ nhất cho bà dứt nợ trần duyên, quy đầu Phật pháp"[7]. Chỉ "vì một niệm mê lầm, thành ra vô minh che lấp bản giác, cho nên trái với Phật tính mà hợp với tình trần, mà gây nên tội ác vô lượng vô biên"[8]. Điều đó cho thấy, nguyên nhân của nỗi khổ là do con người có lòng tham, sân, si và dục vọng, mà lòng dục vọng của con người có nguyên nhân sâu xa từ sự "vô minh". Vì lẽ đó, để chấm dứt được sự buồn tủi, đau khổ, lãng quên vương vấn bụi trần, Thị Kính đã tìm đến chốn tu hành, phải ăn mặc giả trai vào xin tu ở Vân Tự. Nhưng nghiệp chướng lại đến thử thách nàng một lần nữa. Khi nàng đạo hạnh càng cao thì cũng là lúc tai họa đến với nàng: ***nỗi oan thông dâm với Thị Mầu***. Như vậy, cội nguồn của đau khổ là ái dục, luyến ái, bám víu và vô minh. Do đó, khổ đau vẫn cứ tiếp khổ đau, cuộc đời đâu chỉ có một giải pháp nhẫn nhục là đủ.

Qua ngòi bút của tác giả ***Quan Âm Thị Kính***, nỗi khổ chịu oan của Thị Kính, một mặt, ta thấy hiện lên lòng từ bi bác ái, sự nhẫn nhục chịu đựng của người tu hành theo Phật giáo; mặt khác, hiện lên tính nết thuần hậu, chịu đựng, nhường nhịn của người phụ nữ Việt Nam. Trên con

5. Thiều Chửu. *Giải thích truyện Quan Âm Thị Kính*, Nxb. Văn hóa thông tin, tháng 8/2002, tr. 23-24.
6. Sdd, tr.23-24.
7. Sdd, tr. 34.
8. Sdd, tr.37.

đường tu hành, mặc dù đã trải qua những nỗi oan, những đau khổ thách thức nhưng Thị Kính vẫn luôn vững lòng tin nhất định một ngày kia sẽ được hạnh phúc tới cõi "Niết Bàn". Và ngày ấy có thật, trong lúc làm chay Đức Thiện Tôn hiện xuống và nàng đã được "siêu thăng thành Phật".

Hiện tượng Thị Kính "siêu thăng thành Phật" là sự đồng hóa nhiều quan điểm lí giải hiện thực được tiếp biến bởi ánh sáng tôn giáo. Trong phần kết thúc có hậu này, cảm hứng nhân văn hòa trong cảm hứng tôn giáo - một sự cộng hưởng thẩm mĩ giữa quan niệm tôn giáo Ấn Độ và quan niệm nhân sinh của người Việt. Lên "miền cực lạc" đã từng là ngưỡng vọng của hàng triệu tâm hồn về một thế giới "bất sinh", "bất diệt", "vô ưu vô phiền" theo quan niệm của Phật giáo. Đó còn là ước mơ về sự công bằng, bác ái, về hạnh phúc của con người lương thiện. Không có gì là huyền thoại trong phần thưởng diệu kì thời xưa dành để an ủi, nuôi dưỡng những điều tốt đẹp trong lòng nhân dân ta, củng cố cho họ niềm tin vào triết lí "ở hiền gặp lành". Nhưng để có được một kết cục như vậy cũng chính là cả một quá trình tu luyện bằng sự nhẫn nhục và đem lòng từ bi "cứu độ chúng sinh" của Thị Kính với ý nghĩ:

"Chữ rằng nhẫn nhục nhiệm hòa

Nhẫn điều mới nhẫn mới là chân tu" [câu 583-584]

Đành rằng, đó có thể là lời an ủi của kẻ bị dồn vào một thế không còn biện pháp giải quyết, nhưng đối với một người như Thị Kính, đó lại là một hành động có ý thức. Thị Kính quyết tâm chịu mọi nỗi khổ, ra công tu luyện đạo đức vì nàng tin ở ngày mai cuộc sống tươi đẹp sẽ đến với những kẻ tu hành. Một sự nhẫn nhục, chịu đựng đầy bản lĩnh với nhận thức:

"Dẫu xây chín bậc phù đồ

Sao bằng làm phúc cứu cho một người" [câu 619-620]

Quan Âm Thị Kính là truyện kể về một đời tu hành, nhưng Phật hoàn toàn Việt hóa, tượng trưng cho lòng tha thứ vô biên, tha thứ mà chịu đựng, một lòng tin vào đức bác ái của Phật giáo. Có như thế mới lí giải vì sao Thị Kính không đấu tranh, không tự minh oan cho mình là bởi lúc ấy nàng đang đi tu; mà tu là vậy, không rửa oan bằng cách làm cho chúng sinh bận tâm, đau khổ. Dưới góc độ triết học, chúng ta thấy được sự biểu hiện tư tưởng Phật giáo một cách rõ nét trên các phương diện thế giới quan cũng như nhân sinh quan.

Như vậy, truyện không chỉ đơn thuần là một tác phẩm văn học dân gian nói về lẽ công bằng ở đời, mà với tư tưởng văn - sử - triết bất phân của Phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng, tác phẩm đã góp vào triết lí nhân sinh của người Việt một sắc thái đặc biệt: có sự hòa quyện, giao thoa giữa triết lí Phật giáo và tình cảm, cách sống của người dân Việt. Không những thế, kết thúc truyện như vậy, nó biểu dương và cổ vũ tất cả những cố gắng của con người hướng về cái đẹp, cái lẽ công bằng của đạo lí dân tộc và có tác dụng đào luyện con người, tạo sức mạnh to lớn để con người vượt qua sóng gió của cuộc đời./.